

**PROPOSED SOCIAL-EMOTIONAL
COMPETENCY FRAMEWORK
FOR SECONDARY SCHOOL STUDENTS
IN THE CURRENT PERIOD**

Tran Thi Thao

*Faculty of Pedagogy, Hanoi Metropolitan
University, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author: Tran Thi Thao,
e-mail: ttthao@hnmu.edu.vn

Received August 26, 2024.

Revised January 7, 2025.

Accepted January 8, 2025.

**ĐỀ XUẤT KHUNG NĂNG LỰC CẢM
XÚC-XÃ HỘI CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG GIAI
ĐOẠN HIỆN NAY**

Trần Thị Thảo

*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Thủ đô
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thảo,
e-mail: ttthao@hnmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/8/2024.

Ngày sửa bài: 7/1/2025.

Ngày nhận đăng: 8/1/2025.

Abstract. Social-emotional competencies are essential to the developmental process of secondary school students. Developing social and emotional skills has become a crucial goal to help students fully adapt to society within the school environment. Based on a comprehensive analysis of social-emotional competencies - including models of the components constituting these competencies, the social-emotional competency frameworks of prominent authors, and the characteristics of social-emotional competencies in secondary school students according to the 2018 General Education Program - this research proposes a social-emotional competency framework for secondary school students. The framework includes specific component competencies and corresponding manifestations. This competency framework aims to enrich the theoretical foundation of the research topic and support initiatives that foster the development of social and emotional skills in secondary education.

Keywords: proposal, social-emotional competency framework, students, secondary school.

Tóm tắt. Năng lực cảm xúc-xã hội (NLCX-XH) có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của học sinh trung học cơ sở (THCS). Phát triển NLCX-XH trở thành mục tiêu quan trọng giúp học sinh thích nghi xã hội một cách đầy đủ trong trường học. Trên cơ sở phân tích tổng quan về NLCX-XH, mô hình các yếu tố cấu thành NL, khung NLCX-XH của các tác giả tiêu biểu và dựa trên đặc điểm NLCX-XH của học sinh THCS, Chương trình GDPT 2018, nghiên cứu đề xuất đề xuất khung NLCX-XH của học sinh THCS trong giai đoạn hiện nay gồm các năng lực thành phần và biểu hiện tương ứng. Khung năng lực này được kì vọng sẽ làm phong phú cơ sở lý thuyết về vấn đề nghiên cứu, đồng thời góp phần thúc đẩy các hoạt động phát triển NLCX-XH cho HS THCS.

Từ khóa: đề xuất, khung năng lực cảm xúc-xã hội, học sinh, THCS.

1. Mở đầu

Năng lực cảm xúc-xã hội (NLCX-XH) được coi là “chìa khoá” cho sự thành công sau này của học sinh (HS). Đối với rất nhiều nhà giáo dục, phát triển NLCX-XH trở thành mục tiêu quan trọng giúp HS thích nghi xã hội một cách đầy đủ trong trường học [1]. Đặc biệt thời kì HS THCS là giai đoạn quan trọng để phát triển NLCX-XH bởi ở giai đoạn này, các em đang trải qua nhiều sự thay đổi lớn về tâm sinh lí và cũng là thời điểm các em bắt đầu xây dựng bản sắc cá nhân trước vô vàn những mối quan hệ xã hội với gia đình, bạn bè và cộng đồng. Những thách thức trong xã

hội hiện đại đã và đang làm gia tăng những căng thẳng và lo lắng cho HS THCS khi các em chưa có đủ NLCX-XH để đối mặt với chúng. Theo số liệu thống kê trong báo cáo “Nghiên cứu toàn diện về các yếu tố liên quan đến trường học ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và sự phát triển toàn diện của trẻ em nam và nữ vị thành niên tại Việt Nam” của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) và Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy: “15% - 30% thanh thiếu niên ở Việt Nam gặp phải các vấn đề về sức khỏe tâm thần bao gồm: các vấn đề với bạn bè cùng trang lứa (ví dụ: trải nghiệm bị bắt nạt), các vấn đề về cảm xúc (tức là các triệu chứng trầm cảm và lo âu) và các vấn đề về hành vi” [2].

Đáng báo động trong những trường hợp nghiêm trọng, trầm cảm có thể dẫn đến tự tử. Ước tính “có khoảng 62.000 trẻ vị thành niên chết trong năm 2016 do tự làm hại bản thân. Cũng theo khảo sát, hơn 72% trẻ em từ 10-14 tuổi đã từng bị kỉ luật bằng bạo lực. Một khảo sát khác chỉ ra rằng 39% bị xâm hại cảm xúc, 47% bị xâm hại thể chất, gần 20% bị xâm hại tình dục và 29% bị bỏ mặc” [2]; số lượng các vụ việc bắt nạt trực tuyến có xu hướng tăng và trở thành vấn đề phổ biến của thanh thiếu niên hiện nay [3]. Báo cáo của UNICEF Việt Nam (2022) đã chỉ rõ các nguyên nhân dẫn đến thực trạng này, trong đó có các nguyên nhân liên quan đến: khả năng thấu cảm với cảm xúc của người khác, khả năng kiểm soát cảm xúc cá nhân, các yếu tố về hoàn cảnh học tập (chẳng hạn như nhận thức về an toàn, sự tham gia gắn kết của HS và môi trường học tập), những áp lực học tập và căng thẳng lâu dài, ít có các khóa học thúc đẩy tích cực sức khỏe tâm thần và sự phát triển toàn diện như kĩ năng sống, nghệ thuật và thể thao... [2]. Điều này đặt ra vấn đề cần quan tâm là quá trình giáo dục HS của chúng ta đã hiệu quả chưa? Đồng thời cũng đặt ra nhu cầu cần hình thành và phát triển NLCX-XH cho HS THCS là cần thiết. Theo đó, hệ thống giáo dục cần có một khung NLCX-XH rõ ràng, giúp học sinh THCS rèn luyện và phát triển các kĩ năng cần thiết. Đây sẽ là cơ sở để các nhà giáo dục có thể triển khai các chương trình giáo dục phù hợp, giúp học sinh không chỉ vượt qua những khó khăn trong học tập mà còn phát triển một cách toàn diện về cả mặt trí tuệ và cảm xúc. Đồng thời, khung năng lực này cũng sẽ tạo ra một hệ thống đánh giá rõ ràng, giúp xác định các NLCX-XH mà học sinh cần phát triển trong suốt quá trình học tập. Xuất phát từ những lí do trên, nghiên cứu đề xuất khung NLCX-XH cho HS THCS trong giai đoạn hiện nay với kì vọng làm phong phú cơ sở lí thuyết về vấn đề nghiên cứu, đồng thời góp phần thúc đẩy các hoạt động phát triển NLCX-XH cho HS THCS.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp và quy trình nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp nghiên cứu

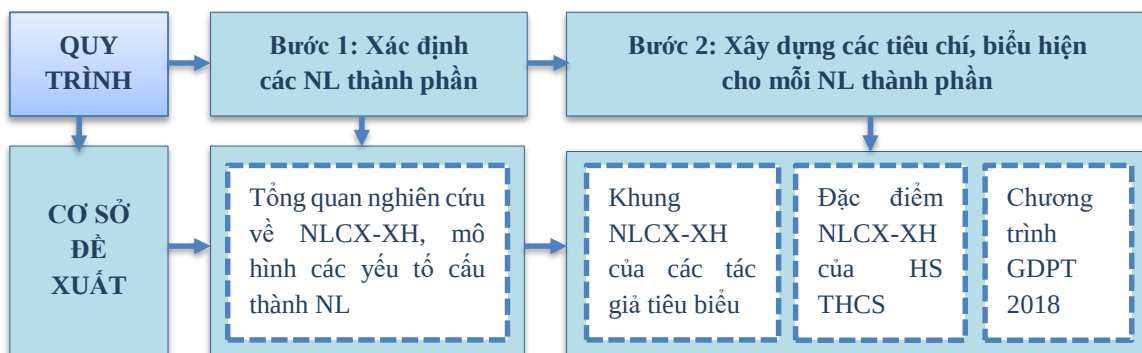
Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: Chúng tôi nghiên cứu, phân tích, đánh giá các nghiên cứu trong và ngoài nước về các mô hình phát triển NLCX-XH cho HS, từ đó rút ra những kết luận khái quát cần thiết cho vấn đề nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu được thực hiện qua các bước sau: 1) Tìm kiếm tài liệu bằng các từ khóa như “Social-Emotion Competence”, “Social-Emotion Learning”, “Social-Emotional Competence Framework”, “Middle school students”, “Năng lực cảm xúc - xã hội”, “Giáo dục cảm xúc - xã hội” trên các nền tảng như Google Scholar, ResearchGate, JSTOR...; 2) Đánh giá tài liệu theo các tiêu chí: loại tài liệu (sách, bài báo, luận án...), loại hình nghiên cứu (nghiên cứu lí thuyết, thực tiễn...), năm xuất bản (từ 2000 đến 2024); 3) Phân tích và đánh giá thông tin theo các tiếp cận hệ thống, cấu trúc, lịch sử - logic, năng lực và phát triển, từ đó rút ra những kết luận quan trọng phục vụ cho nghiên cứu.

- *Phương pháp chuyên gia*: Nghiên cứu thực hiện xin ý kiến chuyên gia về những vấn đề liên quan đến quá trình đề xuất khung NLCX-XH của HS THCS, từ đó có những điều chỉnh, hoàn thiện bài viết.

2.1.2. Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu đề xuất khung NLCX-XH được thực hiện như sau (Hình 1).



Hình 1. Quy trình nghiên cứu đề xuất khung NLCX-XH của HS THCS

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Khái niệm năng lực cảm xúc-xã hội

Thuật ngữ “NLCX-XH” đã được nhiều nhà khoa học ghi nhận sự đa dạng của các định nghĩa được công bố. Cho đến nay, có rất ít sự đồng thuận chung trong việc định nghĩa và khái niệm hoá NLCX-XH.

Dựa trên nền tảng lí thuyết về trí tuệ cảm xúc và trí tuệ xã hội, NLCX-XH được coi là một thành tố quan trọng trong cấu trúc trí tuệ con người

Wechsler D (1958) cho rằng các khía cạnh của NLCX-XH chỉ đơn thuần là trí tuệ nói chung được ứng dụng trong các tình huống xã hội, là sự thích ứng trong việc giải quyết các mối quan hệ của con người với con người [4; 8].

Mayer D, Caruso GD và Salovey P (1999) đề cập đến NLCX-XH như là một dạng của năng lực trí tuệ xã hội có liên quan đến khả năng điều khiển tình cảm, cảm xúc của bản thân và của những người khác; khả năng phân biệt chúng và sử dụng những thông tin này để hướng dẫn suy nghĩ, hành động của con người. Điều này có nghĩa là NLCX-XH có nền tảng là các yếu tố thuộc về sự tự nhận thức, NL xã hội và trí tuệ cảm xúc (có vai trò hạt nhân) [5].

Trong nghiên cứu của mình, Bar-On R (2006) đã nhấn mạnh đến một khía cạnh quan trọng của trí tuệ bao gồm các yếu tố: nội tâm, giữa các cá nhân, khả năng thích ứng, quản lí căng thẳng. Các yếu tố này được đề cập đến như là một phần của NLCX-XH [6].

Dựa trên thành phần cấu trúc của NL, NLCX-XH được hiểu là một tập hợp các kĩ năng sống của cá nhân để tồn tại trong môi trường xã hội

Rose-Krasnor (1997) đề xuất rằng NLCX-XH bao gồm nhiều yếu tố: kĩ năng nhận thức xã hội, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng giải quyết xung đột, kĩ năng tương tác nhóm và kĩ năng giúp đỡ người khác [7].

Từ góc nhìn của Saarni C, NLCX-XH bao gồm các thành tố thuộc về khả năng và kĩ năng tâm lí xã hội mà con người cần phải có để có chung sống hoà thuận với người khác, có hiểu biết xã hội, có khả năng tương tác, thấu hiểu tâm trạng hoặc nhạy cảm với các thông điệp từ các thành viên khác trong nhóm [8].

Các tổ chức quốc tế như UNICEF, WHO, UNESCO cho rằng NLCX-XH là một thành phần quan trọng của kĩ năng sống, nó thể hiện ở sự đồng cảm, quản lí cảm xúc và cảm giác, kiểm soát căng thẳng và căng thẳng cũng như phòng ngừa các rủi ro tâm lí xã hội, giúp HS đưa ra quyết định đúng đắn, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo, giao tiếp hiệu quả, xây dựng các mối quan hệ lành mạnh, đồng cảm với người khác và đương đầu với việc quản lí cuộc sống của mình một cách lành mạnh và hiệu quả [dẫn theo 9].

Dựa trên nguồn gốc hình thành NL, NLCX-XH được đề cập đến như là kết quả của sự thành công trong việc thực hiện các hành vi cụ thể dựa trên kiến thức, kỹ năng thái độ mang tính cảm xúc và xã hội

Mashburn A J and Pianta R C (2006) cho rằng NLCX-XH là các kiến thức và kỹ năng cá nhân có được để đưa ra các lựa chọn tốt trong cuộc sống và đương đầu với thách thức [10].

Berg J và cộng sự (2017) định nghĩa NLCX-XH là sự vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ liên quan đến cảm xúc và xã hội giúp cá nhân: tương tác tích cực với người khác và xây dựng mối quan hệ xã hội; hiểu, nhận biết, quản lý và truyền tải cảm xúc phù hợp; điều chỉnh hành vi; đặt ra mục tiêu và thực hiện nó [11].

Dựa trên mô hình SEL của CASEL, tác giả Huỳnh Văn Sơn (2019) định nghĩa: “NLCX-XH là quá trình sử dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ để nhận thức và quản lý cảm xúc bản thân, cảm thông và đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, ra quyết định một cách có trách nhiệm” [12].

Như vậy, từ các góc nhìn khác nhau, các tác giả đã đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về NLCX-XH, tuy nhiên vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về NLCX-XH. Trong đó, đa số các tác giả đều nhấn mạnh đến các yếu tố nhận thức về cảm xúc hoặc hành vi xã hội, đồng thời NLCX-XH được thể hiện trong các bối cảnh có tương tác xã hội. Trên cơ sở lý luận về NL và NLCX-XH trong phạm vi nghiên cứu, nghiên cứu xác định: *NLCX-XH là NL phức hợp bao gồm NL nhận thức bản thân, NL làm chủ bản thân, NL nhận thức xã hội, NL làm chủ các mối quan hệ, NL ra quyết định có trách nhiệm đảm bảo cho cá nhân thấu hiểu và thể hiện bản thân, thấu hiểu và liên hệ với người khác, từ đó thích ứng với những yêu cầu của cuộc sống trong các tình huống cụ thể.*

Từ định nghĩa này, cần lưu ý 3 điểm sau:

(1) NL CX-XH là NL phức hợp được cấu thành từ nhiều NL thành phần. Những NL thành phần của NL CX-XH có sự liên kết chặt chẽ, phù hợp và ảnh hưởng lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất.

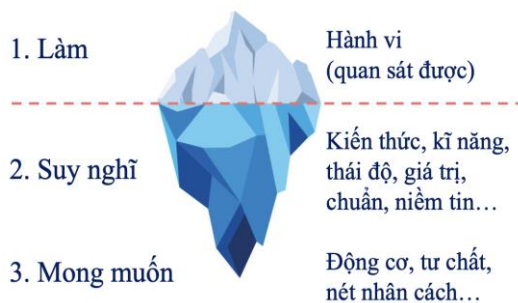
(2) NL CX-XH thể hiện thể hiện trong hành vi, hành động và sản phẩm ... trong các tình huống cụ thể (có thể quan sát, đo đạc được).

(3) NL CX-XH sẽ giúp cá nhân thấu hiểu và thể hiện bản thân, thấu hiểu và liên hệ với người khác, hỗ trợ cá nhân trong việc thích ứng và đạt được thành công trong xã hội.

2.2.2. Cơ sở xây dựng khung năng lực cảm xúc-xã hội của học sinh THCS trong giai đoạn hiện nay

a. Cơ sở xác định khung cấu trúc năng lực cảm xúc-xã hội của học sinh THCS

Tiếp cận về năng lực có 2 mô hình cấu trúc nổi tiếng về năng lực: mô hình tảng băng và mô hình các yếu tố cấu thành năng lực.

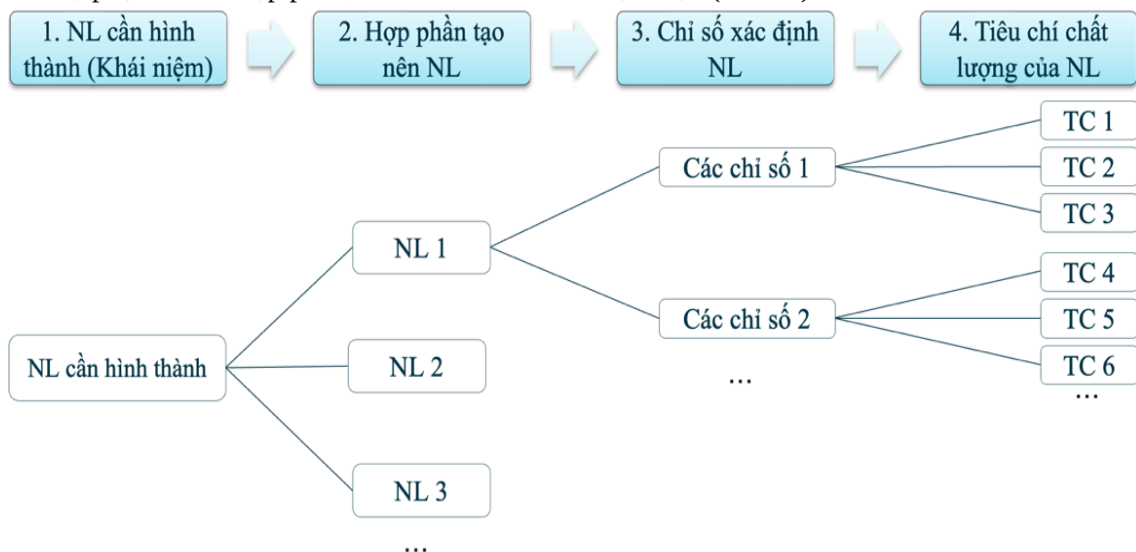


Hình 2. Mô hình tảng băng về cấu trúc năng lực

Cấu trúc trong mô hình tảng băng thể hiện được khá bản chất của năng lực, mối liên hệ giữa các yếu tố nằm trong cấu trúc: yếu tố tự nhiên và xã hội, yếu tố ẩn tàng và yếu tố có thể quan sát được. Mô hình này được McClelland D (1973) đề xuất, dựa trên quan điểm cho rằng năng lực của

một cá nhân có thể được chia thành các yếu tố có thể quan sát được và các yếu tố ẩn sâu dưới bề mặt (Hình 2).

Cấu trúc trong mô hình các yếu tố cấu thành năng lực thể hiện các đơn vị của năng lực gồm các bộ phận chính: hợp phần, thành tố và tiêu chí thực hiện (Hình 3).



Hình 3. Mô hình các yếu tố cấu thành năng lực

Để có thể theo dõi, đánh giá các mức độ tiến bộ của HS một cách rõ ràng, chính xác, trong nghiên cứu này chúng tôi tiếp cận cấu trúc NLCX-XH theo mô hình các yếu tố cấu thành NL. Việc tách NL thành các hợp phần, thành tố, tiêu chí sẽ dễ dàng quan sát hơn, thuận tiện cho việc đề ra các biện pháp cụ thể giúp HS phát triển NL ở mức độ cao hơn.

b. Cơ sở xác định các thành phần cấu thành năng lực cảm xúc-xã hội của học sinh THCS

* *Khung năng lực cảm xúc-xã hội của một số tác giả tiêu biểu*

Từ các cách hiểu không đồng nhất về NLCX-XH, nhiều mô hình lí thuyết đã xây dựng các cấu trúc NLCX-XH khác nhau.

Các mô hình nghiên cứu ban đầu về NLCX-XH tập trung vào các thành phần xã hội hoặc thành phần cảm xúc hoặc tích hợp các thành phần xã hội và cảm xúc. Có thể tổng hợp các mô hình nghiên cứu tiêu biểu của nhóm này thành bảng sau:

Bảng 1. Các mô hình nghiên cứu ban đầu về NLCX-XH trên nền tảng lí thuyết trí tuệ xã hội, trí tuệ cảm xúc

Tác giả	Năm	Các yếu tố cấu thành
Các mô hình tập trung vào các thành phần xã hội (trí tuệ xã hội)		
Thorndike E L [13]	1920	- Khả năng thấu hiểu người khác - Năng lực hành động thích hợp giữa các cá nhân
Greenspan S I [14]	1979	- Sự nhạy cảm xã hội - Hiểu biết xã hội - Giao tiếp xã hội
Amelang M và Bartussek D [dẫn theo 15]	1990	- Tự nhận thức - Năng lực xã hội - Trí tuệ cảm xúc

Silvera D H, Martinussen M & Dahl T [16]	2001	- Kỹ năng xã hội - Nhận thức xã hội - Quá trình xử lý thông tin xã hội
Weis S và Süß H M [17]	2005	- Hiểu biết xã hội - Trí nhớ xã hội - Tri giác xã hội - Sáng tạo xã hội - Kiến thức xã hội
Albrecht K [18]	2006	- Nhận thức tình huống - Thể hiện bản thân - Tạo sự tín nhiệm - Giao tiếp hiệu quả - Thấu cảm
<i>Các mô hình tập trung vào các thành phần cảm xúc (trí tuệ cảm xúc)</i>		
Salovey P, Mayer J D, Caruso D & Lopes P N [19]	2003	- Nhận biết cảm xúc - Sử dụng cảm xúc để hỗ trợ tư duy - Hiểu về cảm xúc, sử dụng kiến thức có tính cảm xúc - Điều chỉnh cảm xúc để thúc đẩy sự phát triển về mặt cảm xúc và trí tuệ
Pérez M và cộng sự [20]	2005	- Hoà đồng - Đa cảm - Kiểm soát bản thân - Tinh thần khoẻ mạnh/hạnh phúc
<i>Các mô hình tích hợp các thành phần xã hội và cảm xúc</i>		
Goleman D [21]	1995	- Tự nhận thức - Tự điều chỉnh - Động lực nội tâm - Đồng cảm - Kỹ năng xã hội
Bisquerra R [22]	2003	- Nhận thức về cảm xúc - Điều tiết cảm xúc - Tự chủ về mặt cảm xúc - Khả năng xã hội - Kỹ năng sống
Bar-On R [6]	2006	- Khả năng nội cá nhân - Khả năng liên cá nhân - Khả năng quản lý căng thẳng - Khả năng thích ứng - Khả năng tự thúc đẩy

Phát triển các mô hình lý thuyết nền tảng của NLCX-XH trên, một số tổ chức nghiên cứu khoa học đã công bố các mô hình trường học về NLCX-XH với đối tượng HS THCS, trong đó tập trung vào các biểu hiện của NLCX-XH (xác định danh sách các kỹ năng, khả năng, hoặc hành vi được coi là NLCX-XH) và cơ chế vận hành NLCX-XH (xác định nguồn gốc hình thành NLCX-XH). Có thể kể đến các mô hình lý thuyết tiêu biểu sau:

Bảng 2. Các mô hình trường học về NLCX-XH

Tác giả	Năm	Các yếu tố cấu thành
CCSR (The University of Chicago Consortium on Chicago School Research) [23]	2007	- Hành vi học tập - Tinh thần học tập - Chiến lược học tập - Kiên trì trong học tập - Kỹ năng xã hội
Tổ chức CASEL (Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning) [24]	2013	- Kỹ năng tự nhận thức - Kỹ năng tự quản lý - Kỹ năng nhận thức xã hội - Kỹ năng quan hệ - Kỹ năng ra quyết định có trách nhiệm
Every Hour Counts [25]	2014	- Sự gắn kết - Sự phát triển tích cực của các kỹ năng và niềm tin - Kỹ năng học tập
The Forum for Youth Investment Skill Areas [26]	2014	- Giao tiếp - Các mối quan hệ và hợp tác - Tư duy phê phán và ra quyết định - Sáng kiến và tự định hướng
SEA (Educación Socioemocional para jóvenes en el Aula) [27]	2017	- Kỹ năng chú ý và thấu hiểu cảm xúc - Kỹ năng điều chỉnh và chữa lành cảm xúc - Kỹ năng thể hiện cảm xúc xã hội thích ứng

Mặc dù có nhiều khung NLCX-XH khác nhau đã được nâng cao nhưng nhìn chung vẫn có sự chồng chéo đáng kể về các NL thành phần như các kỹ năng giao tiếp, nhận thức và cảm xúc. Mô hình NLCX-XH có ảnh hưởng nhất được phát triển bởi tổ chức CASEL với 5 thành tố còn gọi là CASEL Five. Trong đó, những thành phần nhận thức bản thân và làm chủ bản thân thể hiện những giá trị hướng vào bên trong của chủ thể, từ việc nhận thức bản thân, chủ thể có thể làm chủ được bản thân của mình. Ngược lại những thành phần nhận thức xã hội và làm chủ các mối quan hệ thể hiện những giá trị hướng ra bên ngoài, mang tính xã hội. Thành phần quyết định có trách nhiệm chịu sự tác động giữa những giá trị bên trong và bên ngoài của chủ thể để thực hiện những hành vi phù hợp. Ở mô hình trên còn thể hiện những môi trường tác động đến NLCX-XH của HS THCS, trong đó môi trường lớp học là môi trường gần gũi với các em nhất, tác động trực tiếp trong việc rèn luyện và hình thành NLCX-XH, tiếp đến là môi trường trường học và môi trường bao quát nhất chính là từ phía gia đình và cộng đồng. Mô hình cũng cho thấy các thành phần cơ bản trong NLCX-XH không phải là tự nhiên có mà đòi hỏi quá trình hình thành và phát triển mà hiệu quả giáo dục đem đến những hiệu quả rất quan trọng. Mô hình CASEL Five [24] đã có ảnh hưởng trong việc phát triển hàng chục chương trình can thiệp tại trường học ở Hoa Kỳ và trong chương trình giảng dạy quốc gia của các quốc gia như Úc, Anh, Bắc Ireland, Singapore, và Thụy Điển [28].

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng đề cập đến ba NL chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo trong các yêu cầu đặt ở các cấp học từ tiểu học đến THPT. Nội hàm và các thành tố của ba NL chung này (được thể hiện trong các yêu cầu cần đạt ở cấp THCS) có sự tương đồng ở khía cạnh phát triển NLCX-XH của HS trong mô hình của CASEL Five.

* *Đặc điểm năng lực cảm xúc-xã hội của học sinh THCS*

Lứa tuổi HS THCS được coi là thời kì có một vị trí vô cùng quan trọng với những đặc tính phức tạp riêng. Các nhà nghiên cứu tâm lí, thường gọi sự phát triển của các em bằng nhiều tên gọi khác nhau: “thời kỳ quá độ”, “tuổi khó bảo”, “tuổi khủng hoảng”, “tuổi bất trị”... với nhiều đặc điểm mang tính phức tạp riêng, có tầm quan trọng đặc biệt trong cả quá trình phát triển về mọi mặt trong đó có NLCX-XH.

Những đặc điểm về NLCX-XH của HS THCS bị chi phối và biểu hiện bởi các đặc điểm về mặt nhận thức, xúc cảm-tình cảm và nhân cách.

Về mặt nhận thức: HS THCS bắt đầu có sự phát triển tương đối mạnh mẽ với đặc trưng nổi bật là tính mục đích, tính chủ định trong tất cả các quá trình nhận thức: tri giác, trí nhớ, tư duy, chú ý, tưởng tượng, ngôn ngữ.

Về mặt xúc cảm-tình cảm: HS THCS có sự phát triển mạnh, dần hình thành nên những loại tình cảm cấp cao đa dạng, phong phú, có chiều sâu, xúc cảm-tình cảm mang tính bùng nổ giảm dần đi, nhường chỗ cho các loại xúc cảm-tình cảm biết phục tùng ý chí.

Về mặt nhân cách: Sự tự hình thành ý thức, sự hình thành ý chí, sự phát triển hứng thú, động cơ và thái độ của HS THCS phát triển mạnh mẽ.

Với những đặc điểm tâm lí như vậy, NLCX-XH của HS THCS mang những đặc điểm sau:

Thứ nhất, NLCX-XH của HS THCS mang tính độc đáo

NLCX-XH của HS THCS chịu sự ảnh hưởng bởi những nét tâm lí đặc trưng của lứa tuổi. Sự phát triển về các mặt nhận thức, xúc cảm-tình cảm, ý chí ở các em tạo nên những nét độc đáo riêng mà chỉ có ở lứa tuổi này mới được thể hiện rõ nét nhất. Do đó NLCX-XH của HS THCS chủ yếu tập trung và được thể hiện thông qua hoạt động chủ đạo của các em là hoạt động giao tiếp bạn bè, học tập, quan hệ với giáo viên và gia đình... NLCX-XH còn thể hiện một cách độc đáo ở từng cá nhân HS tùy thuộc vào những điều kiện riêng về thể chất, tinh thần, môi trường, văn hóa, giáo dục...

Thứ hai, NLCX-XH của HS THCS mang tính phức tạp và bền vững

NLCX-XH của HS THCS là một tập hợp những kiến thức, kĩ năng và thái độ khác nhau, sự kết hợp của những thành tố này biểu hiện những đặc trưng NL khác nhau ở từng cá nhân. Để hình thành và phát triển NLCX-XH của HS THCS đòi hỏi sự luyện tập, thích nghi và học hỏi từ các trải nghiệm thực tế và phải được duy trì, củng cố trong một thời gian dài trong các môi trường khác nhau.

Thứ ba, NLCX-XH của HS THCS mang tính mềm dẻo và linh hoạt

HS THCS thể hiện sự linh hoạt trong biểu hiện xúc cảm-tình cảm qua các biểu hiện sinh lí và hành vi. Các em có khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa các cảm xúc và hành vi dựa trên tình huống và môi trường xung quanh, biết điều chỉnh biểu hiện cảm xúc để phù hợp với tình huống và môi trường xã hội. Do đó, muốn phát triển NLCX-XH của HS, cần tác động trong các tình huống, môi trường đa dạng để tăng khả năng thích ứng cho các em trước các yêu cầu của môi trường xã hội.

Thứ tư, NLCX-XH của HS THCS mang tính xã hội

NLCX-XH của HS THCS thể hiện qua khả năng hiểu biết, đồng cảm và tương tác tích cực với người khác. Nó phản ánh sự phát triển của ý thức xã hội, khả năng tự nhận biết và đánh giá bản thân, sự kiên nhẫn và ý chí trong đối mặt với thách thức, cũng như sự tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Điều này là kết quả của quá trình hình thành và phát triển của HS trong môi trường học đường và xã hội.

2.2.3. Đề xuất khung năng lực cảm xúc-xã hội cho HS trung học cơ sở trong giai đoạn hiện nay

Dựa trên việc tìm hiểu những nghiên cứu lí luận về NLCX-XH, phát triển NLCX-XH ở HS THCS và Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt là kế thừa và phát triển quan điểm đa thành phần của cấu trúc NLCX-XH của mô hình lí thuyết của CASEL, chúng tôi xác định cấu trúc NLCX-XH của HS THCS gồm 5 NL thành phần sau: NL nhận thức bản thân; NL làm chủ

bản thân; NL nhận thức xã hội; NL làm chủ các mối quan hệ; NL ra quyết định có trách nhiệm. Đây cũng chính là những biểu hiện cơ bản giúp HS THCS hiểu biết về chính mình, kiểm soát cảm xúc, thiết lập và triển khai các mối quan hệ giao tiếp hiệu quả.

Bảng 3. Các thành tố của năng lực thành phần trong năng lực cảm xúc-xã hội cho học sinh THCS

Thành tố	Mô tả
1. NL nhận thức bản thân	HS nhận thức suy nghĩ và cảm xúc của bản thân, kết nối chúng với hành vi hàng ngày. HS có thể xác định động cơ cho các quyết định và nhận ra sự thay đổi cảm xúc, từ đó có thể đánh giá đúng những điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng kế hoạch phát triển bản thân một cách hiệu quả
2. NL làm chủ bản thân	HS thể hiện khả năng nhận thức và quản lí cảm xúc của bản thân, giúp các em đối phó hiệu quả với các tình huống trong cuộc sống. HS xác định được những gì đang diễn ra trong tâm trí, kiểm soát cảm xúc trong các tình huống căng thẳng và duy trì bình tĩnh khi gặp những thay đổi. Học sinh cũng biết sử dụng cảm xúc để tương tác hiệu quả, giữ bình tĩnh khi mâu thuẫn xảy ra để thảo luận để tìm ra giải pháp. Từ đó, các em có thể chấp nhận và điều chỉnh cảm xúc, hành vi trong các tình huống mới hoặc thay đổi
3. NL nhận thức xã hội	HS thể hiện khả năng nhận biết và hiểu cảm xúc của người khác thông qua ngôn ngữ cơ thể, nét mặt và giọng điệu. HS không chỉ xác định được cảm xúc mà còn lí giải lí do đứng sau những cảm xúc đó trong các tình huống cụ thể, có thể dự đoán suy nghĩ và phản ứng của người khác dựa trên cảm xúc mà họ thể hiện, đồng thời nhận thức được các yếu tố tác động đến cảm xúc và hành vi của người khác trong các bối cảnh khác nhau
4. NL làm chủ các mối quan hệ	HS thể hiện khả năng xây dựng và duy trì mối quan hệ tích cực với bạn bè và những người xung quanh. Các em biết truyền đạt cảm xúc và ý kiến của mình một cách rõ ràng, đồng thời lắng nghe và tôn trọng quan điểm của người khác. HS thể hiện sự đồng cảm với cảm xúc của bạn bè, giải quyết tranh cãi một cách hòa nhã, và sẵn sàng chấp nhận lỗi lầm của người khác. Ngoài ra, các em hợp tác hiệu quả để đạt được mục tiêu chung, tạo môi trường học tập thân thiện và hỗ trợ lẫn nhau.
5. NL ra quyết định có trách nhiệm	HS thể hiện khả năng ra quyết định có trách nhiệm thông qua việc suy nghĩ cẩn thận trước khi hành động. Các em biết dự đoán kết quả có thể xảy ra từ quyết định của mình và đánh giá thông tin để đưa ra quyết định sáng suốt. HS xây dựng và thực hiện kế hoạch cụ thể trước khi hành động, giúp họ quản lí thời gian và nguồn lực hiệu quả. Khi đối diện với nhiều phương án, các em có khả năng đổi chiều và tìm ra giải pháp tối ưu, đồng thời cân nhắc tất cả các khía cạnh liên quan để đảm bảo quyết định đưa ra phù hợp với tình huống.

Các chỉ số hành vi trong NL CX-XH của HS THCS được thể hiện ở Bảng 4. Cụ thể như sau:

Bảng 4. Các chỉ số hành vi trong năng lực cảm xúc-xã hội cho học sinh THCS

Thành tố	Chỉ số hành vi
1. NL nhận thức bản thân	1.1. Xác định những gì đang diễn ra trong đầu và liên hệ chúng với các hành động thực tế của bản thân 1.2. Giải thích lí do đằng sau hành động hoặc quyết định của bản thân 1.3. Phân biệt các cảm xúc của bản thân trong các tình huống cụ thể 1.4. Phát hiện ra sự thay đổi tâm trạng của bản thân 1.5. Đánh giá điểm mạnh và điểm yếu của bản thân từ đó có chiến lược cải thiện

2. NL làm chủ bản thân	2.1. Nhận diện cảm xúc của bản thân và kiểm soát chúng trong các tình huống căng thẳng, áp lực 2.2. Điều khiển cảm xúc bản thân và duy trì bình tĩnh trong các tình huống thay đổi 2.3. Sử dụng cảm xúc bản thân trong các tình huống thay đổi 2.4. Giữ bình tĩnh khi gặp mâu thuẫn và thảo luận tìm ra giải pháp 2.5. Chấp nhận và điều chỉnh cảm xúc và hành vi của bản thân trong các tình huống thay đổi
3. NL nhận thức xã hội	3.1. Xác định cảm xúc của người khác thông qua ngôn ngữ cơ thể, nét mặt hoặc giọng điệu 3.2. Giải thích lí do đằng sau cảm xúc của người khác trong các tình huống cụ thể 3.3. Dự đoán về suy nghĩ của người khác dựa trên cảm xúc họ thể hiện 3.4. Giải thích lí do đằng sau phản ứng của người khác trong các tình huống cụ thể 3.5. Xác định những yếu tố tác động đến cảm xúc và hành vi của người khác trong các tình huống khác nhau
4. NL làm chủ các mối quan hệ	4.1. Truyền đạt cảm xúc, ý kiến đến người khác 4.2. Chia sẻ và đồng cảm với cảm xúc của người khác 4.3. Giải quyết tranh cãi với trên cơ sở lắng nghe và tôn trọng người khác 4.4. Chấp nhận và bỏ qua lỗi lầm của người khác 4.5. Hợp tác với người khác để đạt được mục tiêu
5. NL ra quyết định có trách nhiệm	5.1. Dự đoán kết quả có thể xảy ra từ quyết định đưa ra 5.2. Đánh giá thông tin để đưa ra quyết định 5.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch cụ thể trước khi hành động 5.4. Đối chiếu các phương án để tìm ra giải pháp tối ưu 5.5. Cân nhắc tất cả các khía cạnh liên quan trước khi ra quyết định

3. Kết luận

Như vậy, NLCX-XH là NL phức hợp được cấu thành từ nhiều NL thành phần. Những NL thành phần của NLCX-XH có sự liên kết chặt chẽ, phù hợp và ảnh hưởng lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất. NLCX-XH thể hiện thể hiện trong hành vi, hành động và sản phẩm ... trong các tình huống cụ thể (có thể quan sát, đo đạc được). NLCX-XH sẽ giúp cá nhân thấu hiểu và thể hiện bản thân, thấu hiểu và liên hệ với người khác, hỗ trợ cá nhân trong việc thích ứng và đạt được thành công trong xã hội. Khung NLCX-XH sẽ là tiêu chuẩn để định hướng rèn luyện và phát triển NL này của học sinh ở các trường THCS, cũng là căn cứ để đánh giá chất lượng đào tạo HS nói chung và HS THCS nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Rodríguez-Ledo C & Ruiz-Aranda D, (2017). *Inteligencia y educación socioemocional*. [Intelligence and social-emotional education.] In A. Cortés Pascual & A. Rodríguez Martínez (Coords.). Una mirada psicosocioeducativa. Innovación colectiva para el desarrollo personal y profesión. Anaya: In press.
- [2] UNICEF Việt Nam, (2022). *Nghiên cứu toàn diện về các yếu tố liên quan đến trường học ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và sự phát triển toàn diện của trẻ em nam và nữ vị thành niên tại Việt Nam*. <https://www.unicef.org/vietnam>

- [3] Mashburn AJ & Pianta RC, (2006). Social relationships and school readiness. *Early Education and Development*, Vol. 17 (1). p. 151 - 176.
- [4] Wechsler D (1958). The measurement and appraisal of adult intelligence. *Journal of Medical Education* 33(9):p 706, September 1958.
- [5] Mayer JD, Caruso D, & Salovey P, (1999). Emotional Intelligence Meets Traditional Standards for an Intelligence. *Intelligence*, 27, 267-298.
- [6] Bar-On R, (2006). Bar-On model of social-emotional intelligence (ESI). *Psicothema*, 18, 13 – 25.
- [7] Rose-Krasnor L, (1997). The nature of social competence: A theoretical review. *Social Development*, 6, 111–135. doi: <http://dx.doi.org/10.1111/j.1467-9507.1997.tb00097.x>
- [8] Saarni C, (2000). Emotional competence: A developmental perspective. In Bar-On R & JD A Parker (Eds.). *The handbook of emotional intelligence: Theory, development, assessment, and application at home, school, and in the workplace*. Jossey-Bass/Wiley, p. 68–91.
- [9] Prajapati R, Sharma B & Sharma D, (2017). *Significance Of Life Skills Education*. Contemporary Issues in Education Research, 10(1).
- [10] Mashburn AJ & Pianta RC, (2006). Social relationships and school readiness. *Early Education and Development*, 17 (1), 151-176.
- [11] Berg J, Osher D, Sam M, Nolan E, Bénon D, Jacobs N & Jacons N, (2017). Identifying, Defining, and Measuring Social and Emotional Competencies Final Report Prepared for and supported by the Robert Wood Johnson Foundation Identifying, Defining, and Measuring Social and Emotional Competencies Final Report American Institutes for Research Identifying, Defining, and Measuring Social and Emotional Competencies-ii. *American Institutes for Research*. 5-12. <https://www.air.org/sites/default/files/downloads/report/Identifying-Defining-and-Measuring-Social-and-Emotional-Competencies-December-2017-rev.pdf>.
- [12] HV Sơn, (2019). *SEL và định hướng ứng dụng trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [13] Thorndike EL, (1920). Intelligence examinations for college entrance. *The Journal of Educational Research*, 1(5), 329-337.
- [14] Greenspan SI, (1979). *Intelligence and adaptation: An integration of psychoanalytic and Piagetian developmental psychology*, Psychological Issues, 12(3-4, Mono 47/48), 408.
- [15] HTT Quynh & NT Hoa, (2024). Thách thức thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến dành cho trẻ vị thành niên. *HNUE Journal of Science Educational Sciences*, 69(1), 57-64. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2024-0006>
- [16] Silvera D H, Martinussen M, Dahl T. The Tromsø, (2001). Social Intelligence Scale, a self-report measure of social intelligence. *Scand J Psychol*, 42(4):313-9. doi: 10.1111/1467-9450.00242. PMID: 11547906.
- [17] Weis S & Süß HM, (2005). *Social intelligence – Critical review and discussion of measurement concepts*. Emotional intelligence: An international handbook, 203-230.
- [18] Albrecht K, (2006). *Social intelligence: the new science of success*, John Wiley & Sons.
- [19] Salovey P, Mayer J D, Caruso D, & Lopes P N, (2003). *Measuring emotional intelligence as a set of abilities with the Mayer-Salovey-Caruso Emotional Intelligence Test*, In S. J. Lopez & C. R. Snyder (Eds.). Positive psychological assessment: A handbook of models and measures (pp. 251–265). American Psychological Association. <https://doi.org/10.1037/10612-016>
- [20] Pérez J C , (2003) Measuring Trait Emotional Intelligence, en Schulze R. and Roberts R. D. (Eds.) *International Handbook of Emotional Intelligence*, Cambridge, 181-201.
- [21] Goleman D, (2008). *Trí tuệ xã*. NXB Lao động-Xã hội.

- [22] Bisquerra R, (2003). Educación emocional y competencias básicas para la vida. [Emotional education and basic competencies for life.] *Revista de Investigación Educativa*, 21(1), 7-43.
- [23] Durlak J A, & Weissberg R P, (2007). *The impact of after-school programs that promote personal and social skills*. Chicago, IL: Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning.
- [24] Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning, (2013). *CASEL guide: Effective social and emotional learning programs - Preschool and elementary school edition*. Chicago, IL: Author.
- [25] Every Hour Counts, (2014). *Every Hour Counts measurement framework: How to measure success in expanded learning systems*. New York, NY: Author.
- [26] Wilson-Ahlstrom A, Yohalem N, DuBois D, Ji P & Hillaker B, (2014). *From soft skills to hard data: Measuring youth program outcomes*. Washington, DC: The Forum for Youth Investment.
- [27] Celma-Pastor L & Rodríguez-Ledo C, (2017). *Educación Socioemocional para jóvenes en el Aula: Programa SEA*. [Social Emotional Learning for youth in the classroom: SEA Program.] Madrid: TEA Ediciones. ISBN: 978-84-16231-50-8.
- [28] Humphrey N, Kalamhouka A, Wigelsworth M, Lendrum A, Deighton J & Wolpert M, (2011). Measures of social and emotional skills for children and young people: A systematic review. *Educational and Psychological Measurement*, 71, 617-637.